

UNDER THE BODHI TREE

THE AWAKENING OF THE BUDDHA

DƯỚI CÂY BỒ ĐỀ - ĐỨC PHẬT GIÁC NGỘ

A source-based English-Vietnamese presentation
Bản Anh-Việt dựa trên các nguồn Phật giáo được xác định rõ

1. The Resolve for Awakening / Quyết tâm giác ngộ

After abandoning the extremes of severe self-mortification and regaining bodily strength, the Bodhisatta entered deep meditation. In the early discourses, the Buddha later described the night of his awakening as a progressive purification and concentration of mind, culminating in direct knowledge and liberation.

Sau khi từ bỏ cực đoan khổ hạnh nghiêm khắc và phục hồi sức lực, Bồ-tát đi vào thiền định sâu. Trong các bài kinh sớm, về sau chính Đức Phật thuật lại đêm giác ngộ như một tiến trình tâm được thanh tịnh và định tĩnh, đưa đến trực tri và giải thoát.

Primary early source: Majjhima Nikāya 36, Mahāsaccaka Sutta.

2. The First Watch - Recollection of Former Lives / Canh đầu - Nhớ lại các đời quá khứ

In the first watch of the night, with the mind concentrated, purified and steady, the Bodhisatta directed it to the recollection of former lives. He remembered many previous existences, their circumstances, and the passing from one life to another.

Trong canh đầu của đêm, với tâm định tĩnh, thanh tịnh và vững chắc, Bồ-tát hướng tâm đến sự nhớ lại các đời quá khứ. Ngài nhớ lại nhiều đời sống trước, hoàn cảnh của những đời ấy và sự chuyển tiếp từ đời này sang đời khác.

Source: MN 36. Buddhacarita XIV also preserves this three-watch structure.

3. The Second Watch - The Passing and Reappearance of Beings / Canh giữa - Sự chết và tái sinh của chúng sinh

In the second watch, he directed the purified mind to knowledge of the passing away and reappearance of beings. He understood beings as passing on according to their actions - their kamma (karma).

Trong canh giữa, Ngài hướng tâm thanh tịnh đến trí biết về sự chết và tái sinh của chúng sinh. Ngài thấy chúng sinh tiếp tục theo các hành nghiệp của mình - nghiệp (kamma/karma).

Source: MN 36; compare Buddhacarita XIV.

4. The Final Watch - Liberation / Canh cuối - Giải thoát

In the final watch, the Bodhisatta directed his mind to the destruction of the taints. He directly understood suffering, its origin, its cessation and the way leading to its

cessation; he understood the taints, their origin, their cessation and the way leading to their cessation. With this knowledge, the mind was liberated from the taints of sensuality, becoming and ignorance. The knowledge arose that liberation was complete.

Trong canh cuối, Bồ-tát hướng tâm đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Ngài trực tiếp biết Khổ, nguồn gốc của Khổ, sự chấm dứt Khổ và con đường đưa đến chấm dứt Khổ; Ngài cũng biết các lậu hoặc, nguồn gốc, sự chấm dứt và con đường đưa đến sự chấm dứt chúng. Với trí này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trí biết khởi lên rằng sự giải thoát đã hoàn tất.

Source: MN 36, Mahāsaccaka Sutta.

5. After Awakening - Seven Days at the Bodhi Tree / Sau giác ngộ - Bảy ngày dưới cây Bồ-đề

The Udāna records that, after awakening, the Blessed One stayed at Uruvelā on the bank of the Nerañjarā River, at the foot of the Bodhi tree. He sat there for seven days in one session, experiencing the bliss of liberation.

Kinh Udāna ghi rằng sau khi giác ngộ, Đức Thế Tôn ở tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Bồ-đề. Ngài ngồi tại đó trong bảy ngày, an trú trong niềm an lạc của giải thoát.

Source: Udāna 1.1, Bodhi Sutta.

6. Dependent Origination / Duyên khởi

At the end of that period, the Buddha contemplated dependent origination. The Udāna presents contemplation in the forward direction - how suffering arises dependent on conditions - and in the reverse direction - how suffering ceases when those conditions cease.

Vào cuối thời gian ấy, Đức Phật quán Duyên khởi. Udāna trình bày sự quán chiếu theo chiều thuận - khổ sinh khởi do các duyên - và theo chiều nghịch - khổ chấm dứt khi các duyên ấy chấm dứt.

Sources: Udāna 1.1-1.3, Bodhi Suttas.

7. Māra - A Distinct Early Theme / Māra - Một chủ đề riêng trong kinh điển sớm

Early Buddhist texts contain several accounts of the Buddha and Māra. However, the detailed dramatic scene commonly depicted in Buddhist art - Māra's great army attacking the Bodhisatta immediately before awakening - should not simply be inserted into MN 36 as though it were part of that discourse.

Kinh điển Phật giáo sớm có nhiều câu chuyện về Đức Phật và Māra. Tuy nhiên, cảnh kịch tính thường thấy trong nghệ thuật Phật giáo - đại quân Māra tấn công Bồ-tát ngay trước khi giác ngộ - không nên được đưa vào MN 36 như thể chính bài kinh ấy thuật lại cảnh này.

Editorial source distinction: MN 36 is the Buddha's account of the meditative knowledges; fuller biographical narratives appear in other textual traditions.

LATER BUDDHIST BIOGRAPHICAL TRADITION TRUYỀN THỐNG PHẬT TRUYỆN VỀ SAU

8. The Defeat of Māra / Hàng phục Māra

In Aśvaghoṣa's Buddhacarita, Book XIII, Māra approaches the Bodhisattva at the Aśvattha tree and tries to break his resolve. The Bodhisattva remains unmoved. Māra and his forces are defeated and withdraw.

Trong Buddhacarita của Ásvaghoṣa, quyển XIII, Māra đến chỗ Bồ-tát dưới cây Áśvattha và tìm cách phá vỡ quyết tâm của Ngài. Bồ-tát vẫn bất động. Māra cùng các lực lượng của mình bị khuất phục và rút lui.

Source: Ásvaghoṣa, Buddhacarita XIII (Defeat of Māra).

9. Celestial Signs in the Buddhacarita / Những hiện tượng cát tường trong Buddhacarita

The Buddhacarita describes the sky becoming clear, the moon shining, and flowers falling from the sky after Māra's defeat. Its following chapter recounts the Bodhisattva's meditation and the knowledges of the watches of the night.

Buddhacarita mô tả sau khi Māra bị khuất phục, bầu trời trở nên trong sáng, mặt trăng chiếu rạng và hoa từ trời rơi xuống. Chương kế tiếp thuật lại sự thiền định của Bồ-tát và các trí chứng trong những canh của đêm.

Sources: Buddhacarita XIII.70-73 and XIV.

10. Source Note / Ghi chú về nguồn

The early Nikāya account and later Buddhist biographies should be read together with care. MN 36 gives a particularly important early first-person account of the Buddha's path to awakening. Udāna 1.1-1.3 records his post-awakening stay beneath the Bodhi tree and contemplation of dependent origination. Buddhacarita, composed centuries later, presents a developed sacred biography with vivid narrative and celestial imagery.

Các bản kinh Nikāya sớm và những Phật truyện về sau có thể được đọc cùng nhau nhưng cần phân biệt nguồn. MN 36 là một bản thuật đặc biệt quan trọng, trong đó Đức Phật tự kể con đường dẫn đến giác ngộ. Udāna 1.1-1.3 ghi lại thời gian sau giác ngộ dưới cây Bồ-đề và sự quán Duyên khởi. Buddhacarita, được sáng tác nhiều thế kỷ sau, trình bày một Phật truyện phát triển hơn với hình ảnh kể chuyện và các hiện tượng cát tường.

Classification: Early Buddhist discourses versus later Sanskrit Buddhist biography.

SOURCES / NGUỒN

Early Buddhist texts / Kinh điển Phật giáo sớm

1. Majjhima Nikāya 36 - Mahāsaccaka Sutta. The Buddha's account of his striving, meditation, the three knowledges and liberation.

1. Majjhima Nikāya 36 - Mahāsaccaka Sutta. Đức Phật tự thuật quá trình tu tập, thiền định, ba minh và giải thoát.

2. Udāna 1.1-1.3 - Bodhi Suttas. The Buddha beneath the Bodhi tree after awakening; seven days in the bliss of liberation and contemplation of dependent origination.

2. Udāna 1.1-1.3 - Bodhi Suttas. Đức Phật dưới cây Bồ-đề sau giác ngộ; bảy ngày an trú trong an lạc giải thoát và quán Duyên khởi.

Later classical Buddhist biography / Phật truyện cổ điển về sau

3. Āśvaghoṣa - Buddhacarita, Book XIII: Defeat of Māra; Book XIV: Enlightenment. Sanskrit Buddhist biography; English translation associated with E. B. Cowell, with later editorial supplementation noted in modern editions.

3. Āśvaghoṣa - Buddhacarita, quyển XIII: Hàng phục Māra; quyển XIV: Giác ngộ. Phật truyện Sanskrit; bản dịch Anh ngữ của E. B. Cowell, với những phần bổ sung biên tập được các ấn bản hiện đại ghi rõ.

Editorial principle / Nguyên tắc biên soạn

No later narrative detail has been presented here as though it were contained in MN 36. The sources are deliberately separated so that readers can distinguish the early canonical accounts from later Buddhist biographical tradition.

Không có chi tiết kể chuyện về sau nào được trình bày ở đây như thể nó nằm trong MN 36. Các nguồn được chủ ý phân biệt để người đọc nhận ra đâu là bản kinh điển sớm và đâu là truyền thống Phật truyện về sau.

Prepared as a source-based English-Vietnamese Dharma page.